

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐÔI ĐIỀU CHIÊM NGHIỆM VỀ TỔ CHỨC LÀM TỪ ĐIỂN Ở XỨ TA

DƯƠNG KỲ ĐỨC

(TS, Viện Nghiên cứu và phát triển NNVH)

Trong bài này tôi xin chia sẻ với các đồng nghiệp về mấy điểm sau: thực tiễn đã qua, phân tích nhận xét, chiêm nghiệm đôi điều và dăm lời kết luận.

1. Thực tiễn đã qua

Tôi bắt đầu đi vào con đường từ điển học từ khi mới 22 tuổi. Ấy là vào năm 1996 khi tôi được phân công công tác về Tổ thuật ngữ và từ điển khoa học thuộc Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam. Đến nay đã hơn bốn chục năm trôi qua. Suốt nửa đời người làm từ điển tôi đã trực tiếp tham gia vào việc biên soạn 15 cuốn đủ loại, từ đối chiếu song ngữ đến giải thích-tường giải đơn ngữ, từ thuật ngữ đến ngôn ngữ chung, từ ngữ văn đến bách khoa, từ giáo khoa đến tra cứu, từ đa diện đến đơn diện, từ quân sự đến dân sự, từ cỡ nhỏ đến cỡ đại. Tôi là chủ biên 5 cuốn: N°3, N°6, N°10, N°11 và N°15 (x.danh sách). Ngoài ra còn viết bài nghiên cứu, báo cáo khoa học, làm luận án tiến sĩ, tham gia hội thảo, tập huấn biên soạn, giảng bài cho nghiên cứu sinh tiến sĩ về những vấn đề của từ điển học. Điềm lại, trong số 15 từ điển mà tôi trực tiếp tham gia, chỉ có 12 cuốn được xuất bản thành công (các cuốn N°3,4,5,6,7,8,10,11,12,13,14,15) và 3 cuốn thì thất bại đau đớn vì những lí do khách quan khá kì cục (các cuốn N°1,2,9). Có thể nói cuộc đời từ điển vừa qua của tôi vừa có vị ngọt ngào của vòng nguyệt quế thắng lợi, vừa biu đầu sứt trán vì thất bại và hơn nữa còn bị chấn thương tâm thần từ điển học mãn tính! Cho nên, nửa đời người của tôi có thể tóm lại trong hai chữ “từ điển”.

Trong bài này tôi không nói chuyện lí luận, lí thuyết, vì những cái đó trên sách vở đã có

quá nhiều. Tôi đã học hỏi được không ít qua những sách vở đó và thực sự ngạc nhiên khi thấy trong một công trình lí luận về từ điển học ở Việt Nam có nhóm tác giả cho rằng họ đã ngạc nhiên vì có quá ít công trình lí luận về từ điển học. Ở đây tôi chỉ nói về điều tôi chiêm nghiệm được trong thực tế làm từ điển của tôi ở nước ta. Tôi nghĩ điều này có tác dụng thiết thực hơn cho công việc. Nhưng tôi cũng chỉ chia sẻ **đôi điều** mình chiêm nghiệm được, hơn nữa cũng chỉ hạn chế trong vấn đề **tổ chức** làm từ điển thôi, chứ không phải là tất cả mọi điều, tất cả các vấn đề. Tôi sẽ nói ngắn và nôm na.

2. Phân tích nhận xét

Trong phần trên, tôi đã điểm lại sự thành bại trong quá trình làm từ điển của tôi về các loại từ điển. Xét về mặt **tổ chức biên soạn** mà nói thì loại của từ điển không có ý nghĩa gì lắm đến sự thành bại của việc biên soạn. Cái quan trọng ở đây là **cơ chế điều hành-quản lí**.

Có thể nhận thấy trong thực tiễn từ điển học của tôi đã tồn tại hai cơ chế khác nhau mà tôi gọi là **cơ chế quốc doanh** và **cơ chế tư doanh**.

Cơ chế quốc doanh là cơ chế trong đó cơ quan nhà nước thao túng toàn bộ, người làm từ điển mặc dù có được tham gia hội thảo, đóng góp ý kiến xây dựng một cách dân chủ (chiều lệ), nhưng thực ra cũng chỉ là một thứ rôbốt xương thịt, được nạp năng lượng hàng tháng (dưới dạng lương bổng), để thực hiện công việc trong kế hoạch do nhà nước quy định. Điều cốt tử trong cơ chế này là nếu việc biên soạn thành công thì cả cơ quan nhà nước lẫn rôbốt xương thịt của họ chỉ được khen thưởng chiều lệ về tinh thần, tượng trưng về vật chất, còn khi thất bại thì cả hai, may mắn thay (!?),

đều vô can, bởi vì gánh chịu hậu quả không phải là cơ quan và rôbốt, mà là nhân dân, nhưng nhân dân lại là một tập hợp người nói chung, chứ không phải là một con người cụ thể để mà hứng chịu, nên rút cục thì chẳng ai bị thiệt hại.

Vận hành theo cơ chế quốc doanh này là chín từ điển (đúng hơn là việc biên soạn) N°1,4,7,8,9,12,13,14,15 trong đó có hai cuốn thất bại (N°1 và N°9). Cuốn N°1 “Từ điển Nga-Việt” sau 45 năm trời, tốn kém bao nhiêu tiền của, hao tổn bao nhiêu tâm lực của các nhà khoa học, bản thảo của nó, vì những lí do khách quan (!) rất ngớ ngẩn, vẫn nằm xếp xó, mà không ai bị hề hấn gì cả. Còn cuốn N°8 “Từ điển kĩ thuật quân sự” được khen thưởng mà trong buổi liên hoan tổng kết mừng thắng lợi, mỗi người tham gia được “chia” phần thưởng là một bát phở thịt gà và hai quả trứng vịt lộn do bếp nội bộ nấu nướng. Ngươi và tanh.

Đặc trưng của **cơ chế quốc doanh** được thể hiện ở một số điểm chủ yếu như sau:

Một là, chủ đầu tư là nhà nước;

Hai là, nhà nước bao cấp nhân lực, tài chính và trang thiết bị;

Ba là, lực lượng huy động thường đông đảo, có chức, có danh, được quan chức cấp trên điều động, phân công làm, chia thành nhiều cấp, nhiều ban bộ công kênh;

Bốn là, kinh phí thường lớn, hơn nữa trong đó tỉ trọng kinh phí cho các biện pháp phi biên soạn (tức là kinh phí gián tiếp) thường cao một cách quá đáng; nếu thấy rằng kinh phí biên soạn còn gồm cả lương và trang thiết bị, phòng ốc cho đội ngũ đông đảo viên chức từ điển trong nhiều năm trời, thì con số phải là hàng tỉ đồng.

Năm là, thời gian biên soạn một công trình thường dài hoặc hay bị kéo dài và, trong nhiều trường hợp, thường có xu hướng lấy 5 năm làm hệ số cho phù hợp với một kì đại hội hoặc một đợt thay đổi nhân sự của các quan chức;

Còn **cơ chế tư doanh** là cơ chế biên soạn từ điển trong đó tư nhân (có thể là một tác giả hay nhóm tác giả, có thể là một đầu nậu hay có thể là tác giả kết hợp với đầu nậu) hoàn toàn tự chủ trong việc của mình và chịu trách nhiệm với

chính mình, cả tinh thần lẫn vật chất, nhất là trách nhiệm về tài chính, theo tinh thần lời ăn lỗ chịu.

Vận hành theo cơ chế tư doanh này là sáu từ điển N°2,3,5,6,10,11 trong đó tôi là chủ biên của bốn cuốn (N°3,6,10,11) và đồng khởi xướng của hai cuốn (N°2,5). Trong sáu cuốn này chỉ có cuốn N°2 “Từ điển quân sự Nga-Việt” là thất bại (hai lần), còn năm cuốn đều thành công (tuy rằng cuốn tôi đồng khởi xướng N°5 “Đại từ điển tiếng Việt” có nhiều tai tiếng nhất định về sai sót trong nội dung do thiếu cẩn trọng khi sửa morát và về sự khiêm sòng phẳng trong quan hệ giữa các đồng tác giả). Thiệt hại do cuốn N°2 gây ra cho nhóm tác giả năm-sáu người không lớn về mặt vật chất (vì mới sơ thảo được một số vắn rồi bị bỏ dở), bù lại, thất bại là mẹ thành công, nó giúp tôi quyết tâm mạnh mẽ một mình biên soạn xong cuốn N°3 “Từ điển giáo khoa quân sự Nga-Việt”, với sự đồng tác giả chủ yếu có tính chất tượng trưng của một người khác.

Cơ chế tư doanh trong biên soạn từ điển có một số đặc trưng chủ yếu sau:

Một là, chủ đầu tư là các tư nhân: tác giả (nhóm tác giả) hay đầu nậu hoặc tác giả liên doanh với đầu nậu;

Hai là, tác giả (đầu nậu) tư nhân phải tự lo về nhân vật tài lực;

Ba là, số người làm thường ít, có khi chỉ là một người, thường là những người có thực tài (không nhất thiết phải có chức, có danh) tự nguyện tham gia và được tổ chức gọn nhẹ;

Bốn là, kinh phí thường không lớn, vừa đủ cần thiết và chủ yếu là kinh phí trực tiếp cho biên soạn; không phải chi trả tiền lương, trang thiết bị, phòng ốc cho người làm;

Năm là, thời gian biên soạn một công trình thường tương đối ngắn, có khi chỉ vài tháng, để kịp đáp ứng đúng lúc nhu cầu của cộng đồng (thị trường).

Trên đây là phân tích và nhận xét về hai mô hình cơ chế biên soạn từ điển qua thực tiễn của bản thân tôi, một người đã nếm trải thân phận của một rôbốt xương thịt và cương vị của một tư nhân chủ biên hay đồng khởi xướng. Để nâng cao hiệu quả biên soạn thì vấn đề đặt ra

là: làm thế nào để cho cuốn từ điển vốn chỉ có thể vận hành theo cơ chế quốc doanh nhưng lại có được hiệu quả kinh tế-xã hội như một công trình tư doanh?

Để góp một phần nào đó vào việc giải bài toán này, dưới đây tôi xin chia sẻ đôi điều mình đã chiêm nghiệm được.

3. Chiêm nghiệm đôi điều

Năm 1968, cách đây 42 năm, khi làm thư kí cho Ban biên soạn từ điển Nga-Việt cỡ lớn của Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, tôi được làm việc và làm phiên dịch cho đoàn chuyên gia từ điển của Nhà xuất bản Bách khoa thư Xô viết từ Maxcova sang. Đoàn tới Việt Nam để bàn về sự hợp tác biên soạn từ điển Nga-Việt và, để cho công cuộc hợp tác được ăn ý, đã giới thiệu cung cách và kinh nghiệm mọi mặt trong tổ chức biên soạn từ điển đối chiếu cho các đồng nghiệp Việt Nam. Tôi còn nhớ, trong một buổi làm việc, khi được phía Việt Nam tự hào thông báo rằng Ban biên soạn từ điển Nga-Việt có tới 14 người, gồm các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học, Việt ngữ học và các giảng viên tiếng Nga của các trường đại học chủ yếu của Việt Nam, ông L.Đ.Spektorov, biên tập viên trưởng của Nhà xuất bản bạn, đã thành thực góp ý rằng theo kinh nghiệm của Liên Xô, ban biên soạn chỉ nên gồm dăm ba người, vì càng ít người thì làm càng nhanh và càng có chất lượng. Vốn đang hùng hực trong không khí “mỗi người làm việc bằng hai” và thấm nhuần tư tưởng cách mạng “Ba ông thợ giấy bằng một Gia Cát Lượng”, các nhà biên soạn Việt Nam không mấy đậm đà lắm với kinh nghiệm quá ư đơn giản của đồng nghiệp (thực ra đó là bậc thầy biên tập từ điển) Xô viết. Trong hoàn cảnh chiến tranh lúc đó, với vai trò thư kí giúp việc phải thường xuyên liên hệ công tác với đội ngũ cộng tác viên biên soạn nằm sơ tán ở rải rác nhiều nơi trên miền Bắc, phải đi thu nhặt số phiếu đã biên soạn (sơ thảo) người nhiều, người ít, lúc có lúc không, tôi đã lơ mơ cảm thấy sự bất tiện của việc có quá nhiều người tham gia biên soạn. Nhưng thuở ấy, mới 24 tuổi đầu, còn non dại, tôi chưa thực sự hiểu hết cái ý nghĩa quý giá của kinh nghiệm Xô viết “ít người nhanh việc”. Năm tháng qua đi,

trước kết quả trầy trật trong tiến độ và chất lượng biên soạn của từ điển Nga-Việt, tôi bắt đầu dần dần hiểu ra là trong cái việc này, quả đúng như lời ông bà ta đã dạy, “quý hồ tinh bất quý hồ đa”. Sau này nữa, khi đã có kinh nghiệm phong phú trong lãnh vực từ điển, cả kinh nghiệm thất bại lẫn thành công, cả kinh nghiệm thành công không ưng ý lẫn thành công ưng ý, tôi mới thấy được rằng không phải chỉ “tinh” mới tốt, mà cả “đa” nữa cũng tốt. Vấn đề là “tinh” gì và “đa” gì. Theo tôi, đây là “tinh nhân lực” và “đa lợi lộc”.

1. Tinh nhân lực

Nghĩa là người làm thì ít, nhưng trình độ chuyên môn nghiệp vụ phải cao.

1.1. Người soạn thảo-hiệu đính

Tuỳ theo từ điển mà số người **soạn thảo** dao động trong **khoảng 1 đến 5-7 người**. Về người **hiệu đính** số lượng phải **ít hơn** người soạn thảo. Với những cuốn thực lớn cũng chỉ nên giới hạn người soạn thảo ở mức cỡ chục người, còn thì sử dụng cộng tác viên từng phần việc, từng mảng việc là chính, hoạt động theo nguyên tắc hợp đồng “cưa đứt đục suốt”, không phải là tác giả từ điển.

Về **trình độ**, không nên mời những người hữu danh vô thực, mà nên cộng tác với những người **hữu thực vô danh** hoặc **hữu thực hữu danh** thì càng tốt. Cần khắc sâu lời dạy chí lí của các cụ ta: “trăm hay không bằng tay quen”. Với việc biên soạn từ điển, ta cần những “**điển sĩ**” **kĩ thuật bậc cao**, chứ không cần phải vùi đến các vị học giả quyền cao, chức trọng, rất uyên bác, cái gì cũng biết, chỉ trừ mỗi một việc viết định nghĩa hay dịch tương đương và tìm thí dụ minh hoạ.

Quyển “Từ điển Việt-Lào quân sự” lúc đầu giao cho một nhóm các vị khả kính cao niên soạn thảo. Các vị này được coi là rất giỏi tiếng Lào, rất có uy tín với các cơ quan cao cấp của bạn, hoặc đã từng là tình nguyện quân Việt Nam chiến đấu ở Lào lâu năm. Bản thảo làm xong sau nhiều năm, nhưng khi đưa cho người Lào có học thức đọc thì họ không hiểu, hơn nữa cái thứ tiếng Lào trong từ điển này nhiều chỗ lại quá dân dã, không hợp với chuẩn mực ngôn ngữ. Thế là đành phải giao cho một nhóm

khác, gồm ba người (trong đó có một nghiên cứu sinh phó tiến sĩ ngữ văn Lào, một phiên dịch quân sự tiếng Lào là người Việt và tôi) tiếng là “chuẩn bị bản thảo” đưa in để nghe cho khiêm tốn, đỡ méch lòng, nhưng thực chất là làm lại từ đầu, như thể mới nâng được chất lượng bản thảo lên đủ mức có thể xuất bản được.

1.2. Người điều hành

Người điều hành được hiểu là người lãnh đạo, người chỉ huy, người điều khiển, người quản lý việc biên soạn từ điển ở tầm cỡ vĩ mô và vi mô.

Trong kinh nghiệm của tôi, thấy có hai mô hình điều hành là **mô hình đa nguyên** và **mô hình nhất nguyên**.

Theo **mô hình đa nguyên**, phía trên người quản lý trực tiếp còn có một tập thể cấp cao, được gọi là hội đồng/ban chỉ đạo hoặc hội đồng biên tập/xét duyệt. Thành phần của những hội đồng, ban này thường gồm hoặc là các nhà hoạt động khoa học và văn hoá danh tiếng, hoặc là các vị lãnh đạo-quản lý cấp cao, hoặc là hỗn hợp cả nhà khoa học-văn hoá với các nhà lãnh đạo-quản lý. Chức năng của những hội đồng, ban này là xác định những đường hướng chung của một cuốn từ điển, như: ý nghĩa, tầm quan trọng, mục đích, đối tượng, quy mô, tổ chức, thời hạn, kinh phí, v.v. (trên thực tế, các hội đồng, ban này không tự nghĩ ra những vấn đề trên, mà thường do cấp dưới đề xuất lên để các hội đồng, ban này xem xét, thảo luận, thay đổi và quyết định). Hội đồng, ban chỉ huy định kì (quý, nửa năm, năm) hoặc khi cần thiết, còn công việc chỉ đạo-xét duyệt thường ngày đều do một thư ký của hội đồng, ban bàn bạc với người quản lý trực tiếp để giải quyết.

Còn người quản lý trực tiếp công trình từ điển, thì về thực chất, chức trách và tài năng của họ là làm sao dung hoà được một bên là những yêu cầu có tính chất kĩ thuật-nghiệp vụ của những người thực sự biên soạn ở cấp vi mô với một bên là những đường hướng có tính chất xã hội-chính trị của các quan chức trong hội đồng, ban chỉ đạo/xét duyệt ở cấp vĩ mô. Họ luôn chịu sức ép từ hai phía: trên thì búa,

dưới thì đe; phải là người có đức nhẫn nại, biết đem lợi ích khoa học phục tùng lợi ích chính trị thì mới có thể lập được công danh trong sự nghiệp từ điển kiểu này.

Theo **mô hình nhất nguyên**, người điều hành chỉ một, đó là chủ biên hoặc tổng biên tập. Thí dụ, “Từ điển tiếng Việt-2000” có 1 chủ biên và 16 người biên soạn, “Đại từ điển tiếng Việt” là 1 và 3, “Từ điển trái nghĩa-đồng nghĩa tiếng Việt” là 1 và 1.

Do người chủ biên (tổng biên tập) thường là có tay nghề, hơn nữa đội ngũ biên soạn lại không đông, nên dễ dàng trao đổi trực tiếp các ý kiến với nhau và người chủ biên (tổng biên tập) có thể quyết định nhanh chóng. Hiệu quả công việc rất cao, thời gian nhanh chóng, chi phí gián tiếp cực kì thấp. Người chủ biên (tổng biên tập) phải là người có bản lĩnh, có tính tự quyết (không ý lại vào tập thể, vào người khác). Với các công trình quốc doanh, thường người ta hay thiên về mô hình đa nguyên trong điều hành. Trong trường hợp cả người điều hành lẫn người soạn thảo-hiệu đính đều thống nhất coi trọng thực chất khoa học và hiệu quả kinh tế của công trình, tẩy chay các thói hình thức chủ nghĩa phù phiếm và hư danh vụ lợi, thì **trong một công trình quốc doanh cũng có thể điều hành theo mô hình nhất nguyên để “tinh nhân lực”**.

2. Đa lợi lộc

Đa lợi lộc là tạo điều kiện cho người biên soạn (soạn thảo, hiệu đính), người phản biện được hưởng thù lao tối đa có thể được.

Thường khi đặt kế hoạch làm từ điển người ta hay bàn đến đủ chuyện, trừ mỗi chuyện thù lao không hiểu sao hay bị né tránh. Người hoặc cơ quan quản lý (chủ đầu tư) thường không đánh giá đúng lao động của người làm từ điển, còn người làm từ điển, nhất là các viên chức nhà nước, vì bị những ràng buộc hành chính, nên thường không dám nói thẳng đến vấn đề bị coi là “vật chất tẻ nhạt” này.

Trong kinh nghiệm của tôi, vấn đề thù lao từ điển phải được đặt ra cho mọi người đều biết rõ **ngay từ đầu**, để những người làm biết “tôi sẽ được gì nếu tôi làm từ điển cho anh”. Cần phải phá bỏ mặc cảm sĩ diện “mình là viên

chức nhà nước, là trí thức, ai lại nghĩ đến hưởng thụ trước khi cống hiến”. Vấn đề thù lao, dù bị che đậy, né tránh thế nào chăng nữa, cuối cùng vẫn nung nấu ẩn tàng sau từng dòng chữ, thậm chí từng chữ của mỗi mục từ và quyết định rất lớn chất lượng của từ điển.

Không những được đặt ra từ đầu mà thù lao còn phải **tương xứng với lao động tinh cốt của người làm từ điển**. Hiện nay, về danh nghĩa, theo khung nhuận bút của nhà nước, người làm từ điển coi như là được hưởng bậc cao nhất. Nhưng cái cao nhất này lại là ở một nước có công lao động rẻ mạt thuộc loại nhất thế giới (thể mới thu hút được đầu tư nước ngoài!), nên trên thực tế thật là bèo bụt, chẳng đáng là bao so với công sức sáng tạo của người làm từ điển (Có một cuốn từ điển nhà nước xuất bản vào năm 2000, khi chia nhuận bút, thì ngoài tiền lương vài trăm ngàn, tính ra mỗi người làm chỉ được hơn ba chục ngàn mỗi tháng, đủ tiền xăng xe, trong khi bao nhiêu năm tháng của tuổi xuân phơi phới đã lặn lẽ tôm tìm xuống ao bèo!).

4. Dăm lời kết luận

Rất cuộc, điều chiêm nghiệm của tôi sau hơn bốn thập kỉ làm từ điển nghe ra thì cũng bình thường, không có gì là cao siêu, uyên bác lắm.

Viết đến đây tôi bỗng nhớ đến hai chuyện.

Chuyện thứ nhất, về những người làm một cuốn bách khoa chuyên ngành. Khi mới được điều động về để làm nhiệm vụ biên soạn, nhiều người trong số họ rất hoang mang và tự ti vì họ không biết từ điển là gì, từ điển bách khoa là gì và nhất là cách làm ra sao. Họ hoang mang như người lạc trong rừng mà trời thì sắp tối đến nơi vẫn chưa tìm thấy đường ra. Tôi tập huấn cho họ về những vấn đề cốt yếu của từ điển bách khoa và để họ làm thử. Sau đó có người nói: Ôi dào, tưởng gì, làm từ điển bách khoa đâu có gì bí hiểm! Họ đã quên tình trạng của họ trước khi được tập huấn. Cũng như người đi lạc trong rừng, sau khi gặp được bác tiểu phu chỉ cho đường thoát ra khỏi rừng, họ thấy việc ra

khỏi rừng quá ư đơn giản (chỉ cần lội qua con suối, nhằm phía cây cổ thụ cụt ngọn là ra đến đường cái!).

Thế nhưng, giả sử, không có người tập huấn bày vẽ cho, không có bác tiểu phu chỉ đường cho, thì họ sẽ rơi vào tình trạng gì. Để chỉ về được điều đơn giản đó người tiểu phu tập huấn đã phải tự lần mò trong rừng kiến thức và kinh nghiệm đó bao nhiêu năm trời.

Chuyện thứ hai. Có một thầy thuốc giỏi đã chữa khỏi bệnh cho nhiều người, khi qua đời để lại cho con cháu một cái cảm nang. Mở ra chỉ thấy vền vền có mấy chữ: “Hãy giữ gan bàn chân cho ấm”. Trong con cháu có người cười: tưởng gì, chỉ đơn giản thế thôi mà cả đời mới đúc kết được.

Chân lí khi biết đến nó thì bao giờ cũng rất đơn giản, nhưng việc tìm ra nó thì lại rất phức tạp.

Danh sách từ điển được nói đến trong bài

1. *Từ điển Nga-Việt* (khoảng 65.000 từ) (không xuất bản được).
2. *Từ điển quân sự Nga-Việt* (không xuất bản được).
3. *Từ điển giáo khoa quân sự Nga-Việt*, 1982.
4. *Từ điển Việt-Lào quân sự*, 1992.
5. *Đại từ điển tiếng Việt*, 1999.
6. *Từ điển trái nghĩa tiếng Việt* (dùng cho nhà trường), 1985.
7. *Từ điển giải thích thuật ngữ quân sự*, 1985.
8. *Từ điển kỹ thuật quân sự*, 1990.
9. *Từ điển tần số từ vựng quân sự*, 1983.
10. *Sổ tay chính tả học sinh*, 1991. Sau này khi tái bản nhiều lần, được đổi tên thành: *Từ điển chính tả học sinh*.
11. *Từ điển trái nghĩa-đồng nghĩa tiếng Việt*, 1993.
12. *Từ điển bách khoa đặc công*, 1992.
13. *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, 1990.
14. *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 1, 1990.
15. *Từ điển Anh-Việt quân sự*, 2005.

Yên Phụ-Võng Thị Hồ Tây

Tháng 5/2001-tháng 5/2010

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-03-2010)